

CHẾ LAN VIÊN

VÀ NHỮNG HÌNH ẢNH SO SÁNH TRONG THƠ

◆ TS. NGUYỄN THỊ HẠNH PHƯƠNG

Chế Lan Viên là nhà thơ đi theo cách mạng. Làm thơ với ông là công việc lao động, sáng tạo nghệ thuật. Ông đặt ra nhiệm vụ nghệ thuật rất cao cho những trang thơ cũng như lao động sáng tạo thơ. So sánh tu từ của Chế Lan Viên vì vậy không đơn thuần là so sánh cụ thể, miêu tả mà đó là so sánh ý niệm, so sánh trong chiều sâu suy tưởng. Ông muốn đi sâu để khám phá bản thân, dân tộc, đất nước: cái tôi trữ tình tồn tại như thế nào; dân tộc tồn tại như thế nào? Vì thế, ông có nhiều tìm tòi mới mẻ trong hình ảnh, trong cách thức thể hiện. Bài viết này đề cập tới những hình ảnh so sánh trong cấu trúc so sánh tu từ thể hiện qua thơ ông để làm rõ chất trí tuệ, sáng tạo riêng có ấy ở Chế Lan Viên.

1. Hình tượng cái so sánh trong cấu trúc so sánh tu từ của Chế Lan Viên

Nếu thế giới con người trong cái so sánh (CSS) ở thơ Tố Hữu là sự thể hiện tập trung của hình tượng con người tập thể, cái tôi như hòa vào cái ta, đồng nhất với cái ta, nói tiếng nói của cái ta... thì ta lại bắt gặp ở CSS trong thơ Chế Lan Viên một cái tôi trữ tình nghệ sĩ. Một cái tôi luôn băn khoăn, trăn trở để tự khám phá mình, khám phá cuộc sống: ““Ta là ai?”, như ngọn gió siêu hình/ Câu hỏi hư vô thổi nghìn nấn tắt/ “Ta vì ai?”, khe xoay chiều ngọn bắc/ Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh” (*Hai câu hỏi*). Một cái tôi mang trong mình nỗi ám ảnh về thời gian một đi không trở lại: “Nghe chim ngày

tháng bay nhanh/ Năm đi như có đời mình theo đi” (*Cuối năm*). Một cái tôi trữ tình chứa chất những cảm xúc tình yêu mang tính chất riêng tư: “Ta bỗng nhớ em như đông về nhớ rét/ Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng” (*Tiếng hát con tàu*)...

Chính bởi thế, biểu tượng của mặt tâm lý, tinh thần, tình cảm cũng là yếu tố nổi bật trong CSS của Chế Lan Viên. Nếu Tố Hữu thiên về những từ chỉ khí thế, sức mạnh, như muốn cổ vũ, khích lệ tinh thần chiến đấu (chí ta, sức ta, thế ta) mang tính chất anh hùng ca thì Chế Lan Viên lại thiên về thế giới nội tâm trữ tình nhẹ nhàng, tình cảm của cái tôi nghệ sĩ. Những cụm từ như: “nỗi vui ta”, “tình yêu ta”, “tâm hồn anh”, “cả lòng tôi”, “trong trái tim”, “trái tim nghiêng”, “lòng vui”, “lòng đau”, “lòng son” và đặc biệt là “lòng ta” được sử dụng rất nhiều lần: “Lòng ta cũng như tàu ta cũng uống/ Mặt hồng em trong tuổi lớn mùa xuân” (*Tiếng hát con tàu*); “Ôi! Hay chính lòng ta là bề” (*Cành phong lan bề*).

Thế giới sự vật hiện tượng thuộc về tự nhiên, xã hội hiện lên qua CSS trong thơ Chế Lan Viên khá đa dạng. Đó là một thế giới tự nhiên phong phú với trời xanh, mặt trời, trời sao; bể, bờ bể, đá, sóng; núi, rừng, cây, ve, mặt đất ngày xuân, bờ bãi, phù sa; cỏ, hoa mai, tơ hồng; tuyết trắng... Đặc biệt, hình ảnh “bề” là hình ảnh trở đi trở lại trong CSS ở thơ Chế Lan Viên: “Xanh biếc màu xanh, bề như hàng nghìn mùa thu qua còn để tâm

hồn nằm đọng lại/ Sóng như hàng nghìn
trưa xanh trời đã tan xanh ra thành bể và
thời không trở lại làm trời/ Nếu núi là con
tra thì bể là phần yếu điệu nhất của quê
huong đã biến thành con gái/ [...] Bể đổi
thay như lòng ta thay mùa, thay cảm xúc”
(*Cảnh phong lan bể*).

Đó còn là một tập hợp những sự vật, hiện
tượng gần gũi với cuộc sống: những con tàu,
tiếng còi tàu, ống khói, lò cao, xe, thuyền
làng, hạt thóc, những thành phố, điện, nhạc,
ngọn lửa, tiếng cười, giọng hát, tiếng hoan
hô, sắc màu, câu thơ, vòng hoa: “Thuyền đi
xa như thi sĩ, như anh hùng/ Đi chiến đấu
và ngợi ca Tổ quốc” (*Qua Hạ Long*).

CSS trong cấu trúc so sánh của Chế Lan
Viên còn là những khái niệm mang tính phổ
quát của xã hội: Cộng sản, Đảng ta, dân,
kháng chiến, Tổ quốc, đất lành Tổ quốc, xã
hội chủ nghĩa, tình yêu, hạnh phúc, gia đình,
sắc đẹp, thơ, đời, cuộc đời, nhà thơ, hành
động và tư tưởng, cần lao...: “Cộng sản là
mùa xuân/ Cuộc đời lên bất tuyệt” (*Staline
sống mãi*); “Xã hội chủ nghĩa như vườn đào
bất tận” (*Mặc dù trong đêm mặc dù trong tối*).

Vì thế, CSS trong thơ Chế Lan Viên
thường thể hiện sự khám phá bằng những
biểu hiện mới mẻ trong những kết hợp
không bình thường của cụm từ: thác máu
anh hùng; hạnh phúc và bánh mì, hành
động và tư tưởng song song lên; tiếng cười
và giọng hát, dân chủ và hòa bình thao thao
quay, ro ro quay; năm trăm triệu con người
vừa ra khỏi xích xiềng sáng quắc; tôi đứng
giữa nhàn vui còn bỏ ngõ; thêm tay ta,
thêm lòng ta, thêm cuộc sống; tha ma vui;
câu thơ đập; tôi nhạt từng hạt vàng sức
khỏe; anh uống niềm tin; cầm cái sống trong
tay; cầm lòng yêu đời; sao chín vàng; thơ
xuôi tay...

Có thể thấy CSS trong cấu trúc so sánh tu
từ của Chế Lan Viên đề cập tới nhiều vấn
đề, trong đó nổi bật lên là hình tượng của
một cái tôi trữ tình nghệ sĩ tác giả. Cái tôi ấy
như muốn gửi gắm, khám phá, cắt nghĩa, lý
giải những vấn đề lớn lao, cơ bản của thời
đại. Nhưng sức người có hạn, ý thức về cái
hữu hạn của đời người khiến bản thân Chế
Lan Viên không khỏi bị ám ảnh bởi bước đi
của thời gian, không khỏi trăn trở, băn
khoăn với cái tôi công dân của mình: Ta là
ai? Mục đích sống của ta là gì? Ta đã làm
được gì cho cuộc sống? Những kết hợp
không bình thường ở CSS cũng cho thấy
một ý thức không dễ bằng lòng với những
gì đã có mà phải luôn tìm tòi, sáng tạo trong
thể hiện, phải tự làm mới mình qua những
câu thơ.

2. Hình tượng cái được so sánh trong cấu trúc so sánh tu từ của Chế Lan Viên

Nếu như những hình ảnh cái được so
sánh (CDSS) trong thơ Tố Hữu nằm trong
trường liên tưởng tập trung ca ngợi những
mặt tốt đẹp của cách mạng thì trong những
so sánh của Chế Lan Viên, CDSS hiện lên
đa dạng, muôn màu, nhiều biến hóa như
chính những ý tưởng, những suy tư bộn bề
về nhiều mặt của cuộc sống trong cái tôi trữ
tình nghệ sĩ tác giả. Đó là những hình ảnh
mang nét đẹp của tự nhiên: mưa xuân, mùa
xuân, sáng mai xuân, lá, cỏ dậu mùa xuân,
đóa hồng, hoa, ban mai, hơi sương, chim,
ong, lộc biếc, chim én, bầy chim ca, trời
mưa, trưa xanh, nắng vàng, nhánh non,
bóng trời xanh, trắng, vàng trắng, trắng
liềm, ngôi sao, sao khuya, vì sao đỏ, ao sen
mùa hạ, hương thơm đồng lúa, mùa thu,
đêm hè, giọt mưa đêm, ngọn gió, dải sông
Hồng, phù sa, con sông, suối, nai, suối lớn,
tuyết, núi, cồn... cũng như những hình ảnh

mang nét dữ dội của tự nhiên: gió, sấm, bão táp phong ba, thác vỡ bờ, rừng chóm nở, non ngút ngàn, bể lớn, tiếng sét... Đó còn là những hình ảnh về thế giới sự vật hiện tượng gần gũi với đời sống con người: những ống khói ngất trời, những guồng xe, ngọn lửa, thỏi vàng, giếng, lưỡi cày, ngôi, vườn đào ngon chín tới, đĩa bần, tàu, hải cảng lấm tàu, chiếc nôi, thóc giống, bức tranh màu, ngọn khói, mỡ đông, thịt đúc, miếng giò ngon, đĩa xôi, ổ mật, quà, tiền cũ, áo, than, nước mắt, máu rót, vàng, quặng, giọt sữa; những bài thơ, bài ca xây dựng hòa bình, tiếng chuông ngân, câu thơ, thư... và những vật tượng trưng cho sức mạnh chiến đấu: vũ khí, điện mạnh, súng, núi thép, bộc lôi, trăm lưỡi mác sáng ngời, dao tuốt trần ra khỏi vỏ, gươm, đạn mang môi lửa... Những hình ảnh thuộc về thế giới con người với những hình tượng mang nét đẹp của thời đại: một nhà bác học, một đấng anh hùng, vị tướng, thi sĩ, thi nhân, anh hùng, chiến sĩ mang bộc lôi; những mối quan hệ huyết thống tình cảm máu mủ ruột rà: mẹ, con gái, mẹ hiền lấm sữa, đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa, bà mẹ nghèo, mẹ già, lòng mẹ, mẹ cha, chồng, vợ, chị, em, vợ chồng, con trẻ, đứa trẻ đầu lòng...

Một điều dễ nhận thấy trong cấu trúc so sánh tu từ của Chế Lan Viên là CDSS rất đa dạng, muôn màu, nhiều vẻ, luôn luôn biến động trong thời gian. Những hình ảnh ấy hiện lên trong so sánh đẹp một vẻ đẹp riêng, mới mẻ như chính những ý tưởng, những suy tư mang màu sắc phán đoán của cái tôi trữ tình nghệ sĩ tác giả. Đường như ẩn chứa trong đó là cả một niềm khao khát sáng tạo cháy bỏng, một ý thức khám phá, tìm tòi cuộc sống trong nhiều mặt, nhiều chiều đa dạng của nó và một cái tôi không bao giờ thỏa mãn được với chính mình.

3. Quan hệ giữa cái so sánh và cái được so sánh trong cấu trúc so sánh tu từ ở thơ Chế Lan Viên

3.1. Quan hệ giữa cái so sánh và cái được so sánh là quan hệ cụ thể-cụ thể

Đặc điểm của kiểu so sánh mang tính truyền thống này là dễ đọc, dễ hiểu; người đọc có thể nắm bắt các đối tượng so sánh một cách rõ ràng, xác định; vì thế mà quá trình liên tưởng, tìm ra những nét tương đồng giữa các đối tượng so sánh không mấy khó khăn.

Tuy nhiên, trong thơ Chế Lan Viên, loại so sánh có quan hệ này không phải bao giờ cũng đơn giản, dễ hiểu như vậy. Đường như Chế Lan Viên không thích sử dụng những hình ảnh theo lối so sánh quen thuộc; hay những hình ảnh mà khi đặt cạnh nhau, người đọc dễ dàng nhận ra nét tương đồng giữa chúng. Ông thích khám phá những mối liên hệ, quan hệ giữa sự vật hiện tượng trong chiều sâu để đưa ra những phán đoán của tư duy. Những hình ảnh - dù cụ thể - trong so sánh của ông cũng nhằm gợi suy nghĩ cho người đọc hơn là tả để người đọc thấy như so sánh của Tố Hữu:

“Rừng tươi mát như mẹ hiền lấm sữa
Nghìn chiến khu từng nương bóng
mẹ hiền”

(Chim lượn trăm vòng)

“Rừng” là một hình ảnh cụ thể. “Mẹ hiền lấm sữa” cũng là hình ảnh dễ hình dung. Nhưng so sánh “rừng như mẹ hiền lấm sữa” thì chúng ta chưa gặp bao giờ. Trong ý nghĩ quen thuộc của chúng ta, nhắc đến rừng là nhắc đến một không gian bạt ngàn, dày đặc cây cối. Vì thế, hình ảnh rừng với hình thức của nó thường cho chúng ta liên tưởng tới sự vững chãi của trường thành,

chiến lũy; tới số lượng đông đúc của một tập hợp sự vật, hiện tượng như rừng người; rừng cò; rừng hoa... Chế Lan Viên không đi theo lối quen thuộc đó. So sánh "rừng" với hình ảnh "người mẹ hiền lấm sữa", nhà thơ không những nói lên được sự bảo vệ vững chãi của rừng Trường Sơn đối với chiến khu, đối với cách mạng mà còn gọi lên một hình ảnh đẹp; một tình cảm thiết tha, sâu nặng; một sự chở che, nuôi nấng bao dung, nhân hậu như tình mẹ đối với con thơ. So sánh vì thế đã tác động vào suy nghĩ của chúng ta, đem đến cho chúng ta một cách nhìn, một sự nhận thức mới về rừng - một hình ảnh quen thuộc.

Hình ảnh trời xanh trong sự liên tưởng của Chế Lan Viên cũng hiện lên với nét riêng. Đó là một bầu trời có tâm hồn: "Đi ra ngoài ô/ Trời xanh ra với/ [...] Trời xanh quyến luyến/ Như bầy chim ca/ [...] Trời xanh em ơi/ Hiền như tuổi nhỏ" (*Đi ra ngoài ô*). Thông thường nói đến bầu trời, người ta hay nghĩ tới một hình ảnh của tự nhiên với giá trị vĩnh cửu, trường tồn. Bầu trời cũng gọi nên một hình ảnh lớn lao của tầm cao, bề rộng với những bí ẩn mà con người chưa biết hết. Chế Lan Viên đã góp thêm một cách nhìn, đã phát hiện ở trời xanh nét hiền hoà, trong sáng của trẻ thơ; sự quyến luyến, vương vấn như bầy chim đi theo con người. Qua cách liên tưởng của Chế Lan Viên, trời xanh bỗng như có hồn và trở nên vô cùng gần gũi với con người.

Ý thức khám phá mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng ở chiều sâu tư duy đã chấp cánh cho những liên tưởng kỳ diệu trong so sánh tu từ của Chế Lan Viên, những liên tưởng mà nhiều khi nếu không có nó, chúng ta sẽ không bao giờ nghĩ tới: "Em đi như chiều đi/ Gọi chim vườn bay hết/ Em về tựa

mai về/ Rừng non xanh lộc biếc." (*Tình ca ban mai*). "Em" và "chiều" là những đối tượng khác xa nhau về loại, cách nhìn bình thường của chúng ta đâu có tìm thấy nét giống nhau nào giữa chúng? Vậy mà Chế Lan Viên lại phát hiện ra, một cách hết sức bất ngờ, không thể đoán trước, mối quan hệ giữa hai đối tượng. Chỉ đến khi nhà thơ đặt chúng cạnh nhau, ta mới thấy hết sự giống nhau ấy và phải thừa nhận. Buổi chiều thường buông rất nhanh, mang theo ánh sáng với những hoạt động rộn rã của cả một ngày, kế tiếp là đêm tối với bóng tối bao trùm... buồn, vắng và trống trải. Câu thơ không nói gì đến tâm trạng của người ở lại nhưng qua hình ảnh so sánh giàu sức gợi, nỗi lòng ấy đã hiện lên một cách hết sức tự nhiên. "Em" và "ban mai" cũng vậy, dường như chẳng có gì giống nhau. Nhưng chúng ta khi đọc câu thơ "Em về tựa mai về" có ai lại không cảm nhận được nỗi mừng vui, chờ đón ở đây: em về là ánh sáng về, là bắt đầu một ngày mới, sự sống như được hồi sinh. Câu thơ ngập tràn một niềm vui phơi phới.

Hầu hết những hình ảnh so sánh trong thơ Chế Lan Viên không phải chỉ để tả mà chủ yếu là muốn gợi lên những suy nghĩ: "Đêm nay sao chín vàng như thóc giống/ Phải đêm nay trời cũng được mùa?/ Trời sao cao như là chiến trận/ Sao sáng ngời vũ khí lòng ta" (*Sao chiến thắng*). Một bầu trời đêm đầy sao là hình ảnh đẹp kỳ ảo, nhưng so sánh bầu trời sao với thóc giống chín vàng, với chiến trận, Chế Lan Viên không chỉ dừng lại ở việc muốn mô tả một cách hình ảnh để người đọc hình dung rõ hơn về vẻ đẹp của tự nhiên. Tác giả, bằng chiều sâu của suy tưởng, còn muốn gợi lên trong người đọc vẻ đẹp của sự bội thu: được mùa trên cánh đồng và được mùa trên mặt trận.

Kiểu so sánh cụ thể - cụ thể" (CT-CT) của Chế Lan Viên không hẳn miêu tả để khắc họa vẻ đẹp kỳ vĩ của hình tượng như so sánh CT-CT của Tố Hữu. Ông thích khám phá, tìm tòi để phát hiện những mối liên hệ mang chiều sâu tư duy, muốn gọi lên trong người đọc những suy nghĩ mới mẻ từ những hình ảnh so sánh cụ thể, quen thuộc thường ngày. Chính bởi vậy mà so sánh dù có quan hệ CT-CT trong thơ ông cũng là sự thể hiện của những liên tưởng kỳ diệu, luôn làm ngạc nhiên đến bất ngờ, thú vị cho người đọc.

3.2. Quan hệ giữa cái so sánh và cái được so sánh là kiểu quan hệ trừu tượng - cụ thể

Đây là kiểu so sánh lấy cái thể giới hữu hình để làm thể giới vô hình, trừu tượng, khó cảm, khó nắm bắt của đối tượng so sánh. Vì thế mà nội dung diễn đạt của so sánh kiểu này trở nên sáng rõ, dễ hiểu. Đây cũng là một dạng cấu trúc so sánh thường gặp trong truyền thống.

Tuy nhiên, cũng như kiểu so sánh CT-CT, dù sử dụng cấu trúc truyền thống nhưng Chế Lan Viên cũng vẫn có khả năng tạo nên những liên tưởng bất ngờ và giàu tính suy tưởng: "Ôi! Tương lai như hải cảng lắm tàu/ Những con tàu chở đầy hạnh phúc/ Ôi! Tương lai như mùa chiêm lắm thóc/ Lắm tiếng cười, lắm cánh bồ câu." (*Chim lượn trăm vòng*). "Tương lai" là khái niệm chỉ thời gian, chỉ đời sống còn ở phía trước. Và nhà thơ, trong sự suy tưởng của mình, với niềm tin về một tương lai hạnh phúc, một tương lai no ấm, tràn đầy niềm vui, một tương lai hoà bình, đã liên tưởng tới những hình ảnh cụ thể: "hải cảng lắm tàu"; "mùa chiêm lắm thóc", "lắm tiếng cười"; "lắm cánh bồ câu". Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy là đặt

trong tương quan so sánh, những hình ảnh cụ thể này không chỉ dừng lại ở giá trị miêu tả. Mà cũng giống như hầu hết các hình ảnh so sánh trong thơ Chế Lan Viên, chúng là sự hình tượng hoá của những ý niệm trừu tượng, là kết quả của một quá trình suy tưởng. Vì thế, có thể nói đó là những hình ảnh thơ mang ý nghĩa tượng trưng hơn là ý nghĩa hiện thực. Ta cũng gặp một con tàu biểu trưng trong so sánh kiểu này của Chế Lan Viên: "Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống. Mặt hồng em trong tuổi lớn mùa xuân" (*Tiếng hát con tàu*). "Con tàu" là vật có thật, cụ thể, nó gắn liền với những chuyến đi xa, những vùng đất mới hứa hẹn biết bao điều thú vị. Chế Lan Viên đã mượn hình ảnh con tàu ấy để nói lên cái khát vọng được đi xa, được đến những miền đất mới lạ của Tổ quốc.

Sự hình tượng hoá những ý niệm trừu tượng còn được thể hiện bởi những so sánh mở rộng liên tưởng của Chế Lan Viên: "Anh mang tình em/ Trở về cuộc sống/ Như mang địa bàn/ Thuyền băng trăm sóng/ Như mang thêm quân/ Trên đường ra trận." (*Đi ra ngoài ô*). Nhiều chiều liên tưởng đã được mở ra trong so sánh với những hình ảnh cụ thể. Nhưng những hình ảnh cụ thể ấy lại chính là sự thể hiện tập trung cho điều mà tác giả suy nghĩ: tình cảm của em có giá trị định hướng ("Như mang địa bàn/ Thuyền băng trăm sóng"); có giá trị tiếp thêm sức mạnh cho cuộc đời anh ("Như mang thêm quân/ Trên đường ra trận"); có tình cảm ấy, anh được tự tin hơn trước cuộc đời ("Như cây mang quả/ Đi vào mùa xuân").

Nếu trong thơ Tố Hữu, so sánh có quan hệ trừu tượng-cụ thể (TT-CT) tập trung miêu tả sức mạnh tinh thần của cách mạng,

CDSS là những hình ảnh cụ thể mang giá trị vững bền với thời gian thì trong những so sánh kiểu này của Chế Lan Viên, CDSS nghiêng về sự thể hiện ý nghĩa tượng trưng. Đây chính là kết quả tất yếu của quá trình hình tượng hoá những ý niệm của tác giả.

3.3. Quan hệ giữa cái so sánh và cái được so sánh là quan hệ trừu tượng-trừu tượng

Đây là kiểu quan hệ không mấy thích hợp với ý nghĩa của phương thức so sánh. Vì lấy một hình ảnh trừu tượng, khó nắm bắt để so sánh với một hình ảnh cũng trừu tượng, khó nắm bắt như nó thì rất khó làm nổi bật lên được đặc điểm của đối tượng so sánh. Có lẽ chính vì thế mà ở cả Tố Hữu và Chế Lan Viên, kiểu so sánh này đều chiếm tỉ lệ thấp nhất. Cái tôi trữ tình của Chế Lan Viên dùng kiểu quan hệ này để gửi gắm những nghĩ về lẽ tồn tại: “‘Ta là ai?’, như ngọn gió siêu hình/ Câu hỏi hư vô thổi nghìn nền tắt/ ‘Ta vì ai?’, khế xoay chiều ngọn bắc/ Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh” (*Hai câu hỏi*); để diễn tả cái mạch ngầm nhiệt huyết trong thơ: “Câu thơ đập như quả tim còn trẻ” (*Nghĩ về thơ*); để chuyển tải quá trình vận động tư tưởng của bản thân: “Xưa ở sông Ngô ta đánh mất vàng/ Đánh mất tâm hồn ta. Nhưng hiện tại/ Như sông Tương đã trả vàng ta lại/ Khấp đôi bờ tư tưởng chói hào quang” (*Vàng của lòng tin*); để bày tỏ tình cảm của mình đối với cuộc đời chung của dân tộc: “Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc/ Sắc tài sao mà lại lấm truân truân chuyên/ [...] Bồng quý cô Kiều như đời dân tộc/ Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiên Đường” (*Đọc Kiều*).

Nếu Tố Hữu sử dụng kiểu so sánh TT - TT để khẳng định niềm tin vào lý tưởng cách mạng thì Chế Lan Viên lại gửi gắm

trong đó những suy tư, trần trụi của một cái tôi trữ tình có ý thức về lẽ tồn tại của bản thân, của dân tộc.

3.4. Quan hệ giữa cái so sánh và cái được so sánh là quan hệ cụ thể-trừu tượng

Kiểu quan hệ cụ thể-trừu tượng (CT-TT) này cùng với kiểu quan hệ TT-TT trên là một sự sáng tạo nhà thơ dựa trên cơ sở những mối quan hệ ý nghĩa mang tính truyền thống đã có. Trong thơ Chế Lan Viên, những so sánh có quan hệ ý nghĩa theo kiểu CT-TT có số lượng không nhiều nhưng qua đó, đặc điểm của hình ảnh so sánh mang màu sắc sáng tạo riêng trong thơ ông thêm một lần được khẳng định.

Đó là sự phát hiện những vẻ đẹp mang chiều sâu suy tưởng, là thiên hướng sáng tạo những hình ảnh mới lạ, độc đáo để diễn tả sự suy tưởng đó: “Giã giấy làng Hồ/ Chày khuya không mồi/ Như trăng đem vàng/ Giã vào bóng tối” (*Đi ra ngoài ô*). Hình ảnh “trăng đem vàng giã vào bóng tối” là hình ảnh độc đáo, mới lạ, nằm trong thói quen lựa chọn của Chế Lan Viên. Đó cũng là một hình ảnh chứa đựng suy tưởng sâu xa về ý nghĩa của công việc xeo giấy. Một công việc lao động bình thường trước mắt bao người nhưng với Chế Lan Viên, ông nhìn thấy ở đó lấp lánh một vẻ đẹp kỳ diệu xưa đi tìm tối. Người đọc cũng không khỏi bất ngờ trước khả năng liên tưởng của Chế Lan Viên thể hiện qua câu thơ: “Một trăm con tàu như một trăm cô dâu mới/ Bờ bể như lòng trai rộn rịp lẽ tơ hồng” (*Tàu đi*). Cái đông đúc, nhộn nhịp của cảng biển lúc tàu về trong cách nhìn, cách nghĩ của Chế Lan Viên bỗng chốc biến thành sự tung bừng, rộn ràng của một đám cưới lớn. Những con tàu trở nên lộng lẫy, kiêu diễm như những cô dâu trong

ngày cưới; bờ biển thì náo nức, hồi hộp như tâm trạng của những chàng trai trong buổi lễ tơ hồng. Một cảnh sinh hoạt thông thường nơi bến cảng đã hiện lên qua cái nhìn suy tưởng của Chế Lan Viên, sinh động và đầy ấn tượng.

Cái nhìn chiều sâu, cái nhìn phát hiện - một trong những đặc điểm phong cách thơ Chế Lan Viên - còn được thể hiện qua nhiều so sánh mang quan hệ CT-TT: “Nhưng kỳ diệu là đất lành Tổ quốc/ Như tình mẹ nuôi con và ủ ấp/ Sữa tốt tươi chia cho mọi cây trồng/ Khiến xanh xao cũng hoá thịt da hồng” (*Giữa Tết trồng cây*). Công việc trồng cây mang tính cụ thể đã được Chế Lan Viên nâng lên thành những suy tư về sự sống. Nét suy tư ấy còn được thể hiện trong so sánh: “Ôi hôm nay lòng ta như hòng sủng/ Diệt Mĩ là cao cả của tình yêu” (*Suy nghĩ 1966*).

Nói tới sự suy tưởng trong tư duy thơ Chế Lan Viên, chúng ta cũng không thể quên cái nhìn của ông về màu xanh nước biển: “Xanh biếc màu xanh, bể như hàng nghìn mùa thu qua còn để tâm hồn nằm đọng lại/ Sóng như hàng nghìn trưa xanh, trời đã tan xanh ra thành bể và thôi không trở lại làm trời” (*Cành phong lan bể*) và một cảm giác thị giác cụ thể: màu xanh của biển được so sánh với một khái niệm trừu tượng - “tâm hồn của hàng nghìn mùa thu qua còn đọng lại”; một hình ảnh cụ thể: “sóng” được so sánh với “hàng nghìn trưa xanh”... Có thể nói, đó là những so sánh mang trong nó cái mới mẻ, kỳ lạ của chiều sâu suy tư người viết. Màu xanh nước biển hiện lên trong so sánh không chỉ là cảm giác cụ thể của thị giác nữa, nó đã là “tâm hồn của mùa thu”; nó chứa đựng trong mình “cái thanh”, “cái

trong”, “cái tĩnh” của hồn thu. Mà là hồn của hàng nghìn mùa thu đọng lại. Cái thanh, cái trong, cái tĩnh của màu xanh nước biển vì thế cũng được nhân lên đến khôn cùng... Bằng cách so sánh CT - TT, Chế Lan Viên đã làm giàu có hình tượng biển. Qua cái nhìn mang chiều sâu suy tưởng của ông, biển xanh như được phát hiện ra ở một vẻ đẹp mới: đó là nét duyên dáng, lắng đọng của “tâm hồn biển” bên cạnh vẻ hùng vĩ, lớn lao mà nó vốn có.

Có thể nói, so sánh có quan hệ CT-TT trong thơ Chế Lan Viên là sự phát hiện những vẻ đẹp mang chiều sâu suy tưởng của sự vật, hiện tượng. Qua đó, tác giả cũng thể hiện khả năng sáng tạo những hình ảnh mới lạ để diễn tả chiều sâu suy tưởng ấy.

Như vậy, qua những hình ảnh so sánh trong thơ Chế Lan Viên, người đọc thấy hiện lên một cái tôi trữ tình nghệ sĩ với một thế giới hình tượng mang bản sắc riêng, không thể trộn lẫn với bất cứ tác giả nào. Đó là một thế giới hình tượng đa dạng, mới mẻ, lấp lánh một thứ ánh sáng riêng như chính ý tưởng của cái tôi trữ tình tác giả. Nếu Tố Hữu thường nhìn thấy cái kích thước lớn lao, kỳ vĩ của hình tượng so sánh thì Chế Lan Viên, bằng khả năng liên tưởng độc đáo, ý thức khám phá sự vật, hiện tượng trong chiều sâu suy tưởng, lại tìm ra và gọi lên ở hình tượng những nét mới lạ, hoàn toàn bất ngờ với người đọc. Thế giới hình tượng ấy cũng bộc lộ một cái tôi nghệ sĩ luôn có ý thức tìm tòi, sáng tạo, khám phá, không dễ chấp nhận những gì đã trở nên quen thuộc, cũ mòn; một cái tôi nghệ sĩ luôn trần trụi đi tìm ý nghĩa của cuộc sống, của sự tồn tại bản thân cũng như của con người, đất nước. ■